Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế - Luật 24 (2008) 1-8

Góp phần tìm hiểu văn hóa pháp luật

Phạm Duy Nghĩa*

Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thuỷ, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 12 tháng 03 năm 2008

Tóm tắt. Bài viết dưới đây bàn về văn hóa pháp luật của một quốc gia. Sau phần tranh luận về khái niệm văn hóa pháp luật và phạm vi ứng dụng của khái niệm này, bài viết phân tích mối quan hệ giữa văn hóa pháp luật quốc gia trong tương tác với khu vực và quốc tế, từng bước nhận diện những lát cắt và tiêu chí đánh giá hay đo lường của văn hóa pháp luật của một quốc gia.

1. Góp phần tranh luận về khái niệm và khả năng ứng dụng của *văn hóa pháp luật*

Văn hóa là cách chúng ta sống - một cách quan niệm mơ hồ và tùy thích, rất Việt. Thì cũng thế, *văn hóa pháp luật* là một khái niệm khó định dạng; tuy nhiên trong khuôn khổ bài nghiên cứu này cần mặc định hình hài của nó để xây dựng tiêu chí đánh giá. Văn hóa có thể hiểu ở trạng thái tĩnh, song cũng có thể nghiên cứu trong quá trình biến đổi của nó. Trình độ văn hóa pháp luật của một quốc gia là một thang nấc trong quá trình tiếp biến không ngừng của chúng.

Quan niệm về *văn hóa pháp luật* chắc đã khá cổ xưa, song thuật ngữ này được dùng như một khái niệm, một đại lượng có lẽ sôi nổi hơn từ những thập kỷ 60 của thế kỷ XX với những tên tuổi như Lawren M Friedman [1], Watson, hay muộn hơn như David Nelken [2-4]. *Văn hóa pháp luật* không phải là thuật ngữ của giới luật học thuần túy, kiểu như khế ước, nghĩa vụ, lỗi, hành vi hay chế tài, mà là một đại lượng gắn liền với xã hội học pháp luật hoặc nhân chủng học có liên quan đến pháp luật. Xa hơn nó có thể liên quan đến triết học pháp quyền, luật so sánh hoặc một nhánh nghiên cứu có tên gọi thời thượng như du nhập pháp luật trong bối cảnh toàn cầu hóa. Tóm lại, ***văn hóa pháp luật là một cách nhìn về luật pháp, đặt pháp luật trong những tương quan đa chiều với khoa học hành vi, cách nghĩ, cách ứng xử, tôn giáo, niềm tin, các đặc tính nhân học của các cộng đồng và tộc người***.

Là một cách nhìn, *văn hóa pháp luật* là những thang giá trị và công cụ nghiên cứu, bao gồm chí ít: (i) luật trên giấy, (ii) luật trong hành xử thực tế, (iii) luật trong suy nghĩ và thái độ của các giai tầng trong xã hội. Chúng là quan niệm, giá trị, mong đợi và thái độ của xã hội đối với các hiện tượng luật pháp.

Sơ đồ giản lược dưới đây minh họa quan niệm của Friedman về văn hóa pháp luật. Các thành tố chính của nó bao gồm quan

* ĐT: 84-4-7548516
E-mail: nghiadp@vnu.edu.vn

niệm (tức là cách mà một xã hội hiểu), giá trị (tức là cách mà một xã hội tôn trọng, đề cao hoặc coi thường, làm ngơ), mong đợi (tức là cách mà một xã hội chờ đợi sự can thiệp) và thái độ (tuân thủ, xây dựng, quan tâm, phê phán…) đối với: (i) luật pháp, (ii) các thiết chế thực thi luật pháp, (iii) các cá nhân trong thiết chế thực thi hoặc những người hành nghề luật.

Quan niệm của Friedman không thể là một định nghĩa chặt chẽ, đã từng bị phê phán rất nhiều lần (Roger Cotterrell [5]), song nó giúp từng bước định ước được văn hóa pháp luật là gì. Nếu không đi xa hơn được so với Friedman, chúng ta lựa chọn cách nhìn của ông này làm điểm xuất phát để thảo luận.

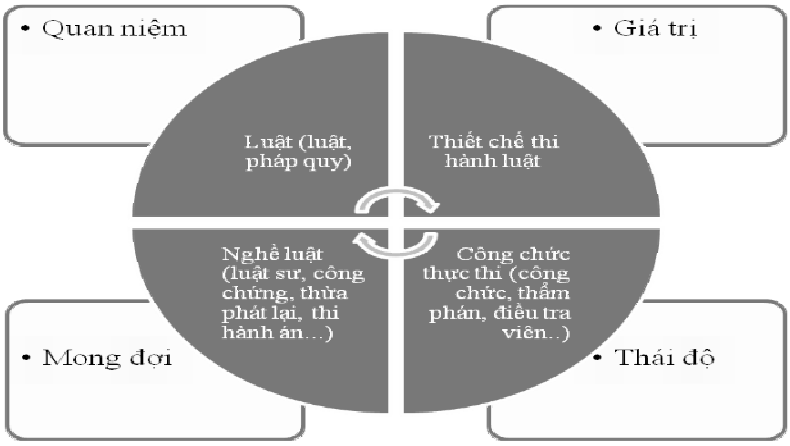

Tóm lại, bổ sung thêm với thói quen khu biệt lĩnh vực nghiên cứu của các nhà khoa học nước ta, *văn hóa pháp luật* có thể xem như một lĩnh vực nghiên cứu, một cấp độ thể hiện của văn hóa trong biến đổi không ngừng, song cũng nên xem như một *phương pháp* hay *cách nhìn*, giúp hiểu rõ tương tác của pháp luật với quy phạm xã hội và những nền tảng văn hóa khác của một tộc người (sinh hoạt kinh tế, sự ăn, sự ở, cưới hỏi, ma chay, sinh hoạt dân gian, thờ cúng, tín ngưỡng, tôn giáo, thói quen tổ chức cộng đồng, nền tảng quyền lực trong xã hội, etc.).

Chắc rằng nhiều học giả sẽ đề cao cách nhìn thứ nhất, sẽ đưa ra các kiến nghị nhằm "năng cao, đổi mới, tăng cường" văn hóa pháp luật, và biết đâu còn gán thêm cho cái hiện tượng mơ hồ này tính ngữ văn hóa pháp luật *xã hội chủ nghĩa*. Chắc rằng văn hóa tự nó bị dẫn lối bởi các tín hiệu, cũng giống như bầy đoàn trong thế giới muôn vật không hiếm khi vẫn tuân theo những tâm lý đám đông được tạo ra bởi vô vàn loại tín hiệu, tác động vào văn hóa pháp luật chắc là có thể và có nhiều cách. Tìm cách hiểu và làm cho pháp luật hợp với lẽ tự nhiên có lẽ cũng là một chủ đề lớn. Vì vậy, nên giới hạn cách nhìn *văn hóa pháp luật* như một cách hiểu luật sống trên giấy và luật sống trong tâm thức của người dân như thế nào. Nói cách khác, dùng văn hóa pháp luật như một công cụ- một cách tiếp cận để hiểu quá trình một quy phạm ngấm vào cuộc sống và nếp nghĩ của người dân nước ta ra sao. Quá trình ấy đầy những ẩn số, nếu khai sáng chúng.. cũng đã là những nỗ lực đáng tự hào.

Có một số tác giả (Lê Đức Tiết [6], Trần Ngọc Đường [7]) dùng thuật ngữ *văn hóa pháp lý*, thậm chí *văn hóa tư pháp* (Viện Khoa học Pháp lý [8]). Theo thiển ý của tôi, pháp lý được hiểu như một khoa học về luật, soi rọi những nguyên lý của luật pháp. Vì lẽ ấy

pháp lý là nghề nghiên cứu, là hàn lâm, cũng như thế tư pháp có thể hiểu là hệ thống tòa án, chúng không bao hàm mọi hiện tượng pháp luật nói chung. Để thống nhất, nên chọn thuật ngữ *văn hóa pháp luật*, cách lựa chọn ấy là bao quát và phù hợp, tương thích với cách hiểu chung về legal culture ở phương Tây.

2. Văn hóa pháp luật quốc gia trong tương tác với khu vực và quốc tế

Sau khi Liên Xô và phe Xã hội Chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ, ý thức hệ tư tưởng không còn là ranh giới rõ rệt để phân chia chiến tuyến trên thế giới. Ngược lại, toàn cầu hóa, internet và chủ nghĩa tự do thương mại dường như làm thế giới dẹt ra; một thông tin điều chỉnh lãi suất của Cục dự trữ liên bang Hoa Kỳ ngay lập tức rung động chợ chứng khoán từ Âu sang Á. Mở đường và tiến bước cùng các thế lực làm phẳng thế giới không còn là lưỡi gươm thời Trung cổ, không còn là họng đại bác thời thực dân, mà là các hiệp định dưới tên gọi "tự do thương mại" được thao túng chủ yếu bởi các trung tâm tư bản Phương Tây. Một chủ nghĩa đế quốc pháp luật mới đã ra đời dựa trên chủ nghĩa trọng thương, đế quốc pháp luật ấy bị ảnh hưởng đáng kể bởi hệ thống pháp luật Hoa Kỳ.

Nếu theo dõi Hiệp định thương mại Việt Nam-Hoa Kỳ, theo dõi quá trình soạn thảo và ban hành các đạo luật lớn về dân sự, thương mại, công ty, chứng khoán, tài chính, bảo hiểm ở Việt Nam, sẽ dễ nhận thấy thông thương với thế giới đã giúp cho ảnh hưởng của các nền văn hóa pháp luật trên thế giới gia tăng ảnh hưởng đáng kể vào nước ta. Dưới khẩu hiệu "làm cho pháp luật nước ta tương thích với luật lệ quốc tế" một cuộc du nạp pháp luật quy mô rất lớn đã và đang diễn ra trên cả ba cấp độ: du nạp pháp luật trên giấy, du nạp quan niệm và triết lý pháp luật, và du nạp các thiết chế thực thi pháp luật. Điều này đã diễn ra ở lãnh vực pháp luật thương mại, dân sự, tài chính, ngân hàng, lan rất nhanh sang pháp luật tài sản, hợp đồng và đang bắt đầu cuộc khai phá của chúng tới pháp luật hành chính, hình sự, dè dặt thăm dò nền tảng chính trị của xã hội như quyền công dân, dân quyền, nhân quyền, tổ chức quyền lực và quyền tiệm cận công lý.

Như vậy, cũng như văn hóa là cách mà chúng ta tổ chức đời sống nói chung, văn hóa pháp luật ở Việt Nam chịu sức ép lấn lướt mạnh mẽ từ các trung tâm văn hóa góp phần định chuẩn cho thế giới này. Có thể gọi đó là tiếp biến, là du nạp. Cuộc vay mượn pháp luật trên giấy có thể diễn ra chóng vánh, song làm cho các quan niệm, giá trị và thái độ ẩn sau các quy phạm đó thực sự trở thành nếp nghĩ của dân chúng một cách tự nhiên và chân thành... mới là điều đầy bí ẩn. *Văn hóa pháp luật*, với tư cách là một cách nhìn nhận gắn luật với nhân chủng, xã hội học, dân tộc học, nhân học có thể là một công cụ đa ngành phù hợp giúp giải mã những điều bí ẩn của cuộc du nạp giá trị và quan niệm sống kể trên.

Một trong các điều bí ẩn có thể làm biến dạng đáng kể ảnh hưởng của du nhập pháp luật là sức phản kháng mãnh liệt của Việt tộc để bảo tồn tính cách Việt, nòi giống Việt và không gian sinh tồn thuần Việt. Các nhà sử học có thể tìm thêm minh chứng trong cuộc du nạp pháp luật Trung Hoa hàng nghìn năm thời Bắc thuộc, cũng có thể tìm thêm minh chứng từ những cuộc du nạp thất bại thời thực dân [9]. Thậm chí cuộc du nạp pháp chế xã hội chủ nghĩa vào Việt Nam, dù qua lăng kính của chủ nghĩa Mao trong những năm 60, hay trực tiếp dưới ảnh hưởng của Hiến pháp Xô Viết 1977 trong nửa cuối thập kỷ 70 cho đến khi bắt đầu chính sách Đổi mới, cũng bị văn hóa bản địa Việt Nam làm biến dạng đi đáng kể [10]. Điều này, trong một bối cảnh rộng lớn hơn, cũng có thể nhìn thấy trong cuộc tranh giành ảnh hưởng giữa các nền văn minh lớn từ các trung tâm tư

Trung Hoa, Ấn Độ, Âu Mỹ và thế giới hồi giáo [11].

Tôi không đủ năng lực để dự báo như Hungtinton rằng khu vực văn hóa Trung Hoa sẽ có thể tạo nên một nền văn hóa pháp lý kiểu Trung Hoa - Nhật Bản, như K. Zweigert và H. Koetz đã dự báo trong lần tái bản thứ ba của tác phẩm Luật so sánh nổi tiếng [12]. Hơn một trăm năm qua Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và hiện nay là Trung Quốc đã trải nghiệm những cuộc du nạp pháp luật phương Tây trong những điều kiện khá khác biệt với Việt Nam. Thêm nữa, dù gắn liền với nền văn hóa Trung Hoa, có cấu trúc xã hội và hệ thống chính trị rất tương đồng với Trung Hoa, song sau gần 100 năm đoạn tuyệt với Hán tự và phổ biến Quốc ngữ, pháp luật Trung Hoa có vẻ trở nên xa vời và khó tiệm cận với người Việt Nam, chí ít là vào thời điểm hiện nay. Có hay không một thứ văn hóa pháp lý Phương Đông, hay chí ít Viễn Đông, và liệu Việt Nam có còn là một chi trong cái dòng họ pháp luật ấy, có vẻ vẫn là những cảm nhận mơ hồ, chưa có chứng cớ.

Tuy nhiên, trong cuộc "va chạm giữa các nền văn minh", văn hóa, và văn hóa pháp luật của người Việt Nam, chắc rằng sẽ bị cọ sát với vô khối lực xô đẩy từ các trung tâm văn minh, cái cảm giác nghiêng ngả tức thời chắc là khó tránh khỏi. Một đặc điểm khá thú vị của văn hóa pháp luật thời nay chắc là tính biến động của nó, bao gồm những cuộc thu nạp và khả năng chống trả do bản tính duy trì sinh tồn của văn hóa Việt. Một cơ sở kinh doanh của người Việt mau chóng khoác cái áo công ty cổ phần của phương Tây, trong quản lý người ta gặp lại dánh dấp gia trưởng của người Hàn, cái gia phong và dây mơ rễ má quan hệ của người Tàu, song vẫn thấp thoáng sự thoải mái, thuận tiện và dễ hài lòng của người Việt. Công ty nhiều, song tính chịu trách nhiệm hữu hạn thì ít, và phá sản theo thương luật lại càng hiếm hoi. Ví dụ ấy cho thấy, ngay cả trong thương luật là lĩnh vực thu nạp pháp luật phương Tây nhanh và phổ quát nhất, cuộc du nạp cũng mới chỉ diễn ra ở váng bọt, mà chưa thể thẩm thấu tới các giá trị và cách hành xử mà người Việt noi theo.

Tóm lại, sau một thời gian tiếp nhận và giao mới có thể nhận chân được những sức mạnh nổi trội của văn hóa Việt; điều mà các học giả thời nay ngồi bên bàn giấy cho là mạnh mẽ chưa chắc đã mạnh ở ngoài đời. Với những nghiên cứu có bằng chứng xác thực, ví dụ về thói quen mua bán đệ đương tài sản như nhà đất, điển cố nhân công, những tập tục bắt nợ, như cách mà ông Vũ Văn Mẫu đã tiến hành khi khảo cứu cổ luật Việt Nam, có vẻ thân thiết và gắn bó với người Việt hơn(1). Nghiên cứu về di sản văn hóa pháp luật có lẽ nên theo những nếp hành xử cũ và cuộc ẩn hiện của nếp cũ ấy dưới những tấm áo hiện đại thời nay, nếu làm được như vậy thì di sản trở nên sống và thân thương, hơn chỉ là một món đồ cổ trang trí cho hàng ngàn năm đã trôi qua.

3. Những lát cắt nhận diện văn hóa pháp luật

Có thể phân tuyến khi nhận diện văn hóa pháp luật giữa một bên là các thiết chế quyền lực (lập pháp, hành pháp, điều tra, kiểm soát,

(1) Xem thêm sách của ông Vũ Văn Mẫu (*Dân-luật lược-giảng*, Quyển Nhất, Saigon 1967, Dân-luật lược-giảng, Quyển Hai, Saigon 1968 và *Việt Nam Dân luật lược khảo*, Bộ quốc gia giáo dục xuất bản, Saigon 1963), *Dân luật khái luận*, Sài Gòn, 1958, *Cổ luật Việt Nam lược khảo*, Sài Gòn 1970, *Pháp luật diễn giảng*, Sài Gòn 1975. Trong các sách đó, cuốn **Cổ luật Việt Nam lược khảo** 1970 rất đáng đọc, ông Mẫu dường như là những người cuối cùng cố gắng nối liền mạch cổ luật với cái gọi là la re'ception des droits occidienteux thời nay. Bên Harvard có ông Tạ Văn Tài, học trò của ông Mẫu cùng với một nhóm chuyên gia Hán Nôm có soạn cuốn "*The Le Code: Law in traditional Vietnam*" về cơ bản cũng không thể đi xa hơn ông Mẫu về cổ luật Việt Nam.

xét xử, thi hành án) và bên kia là các "đối tượng thi hành pháp luật" như doanh nhân, thị dân, dân quê, cán bộ lãnh đạo, viên chức, thanh thiếu niên, báo chí.. Theo thiển ý của tôi, ngoài cách tiếp cận kể trên nên có những nghiên cứu định lượng, điều tra hay khảo sát thực tế, chí ít theo những lát cắt dưới đây:

Luật trên giấy →	**Lựa chọn lĩnh vực điển hình**: ví dụ tài sản, nhà đất, khế ước, hôn nhân, đền bù thiệt hại, kinh doanh, thủ tục hành chính, giải quyết tranh chấp, tổ chức quyền lực công …	**Nhận định**, ví dụ đã có quy định hay chưa, mức độ chi tiết, quy trình lập pháp và tính khả thi của quy phạm. Có thể sơ đồ hóa thể hiện sự dày đặc hoặc thưa thớt của pháp quy để dễ theo dõi.
Luật trong quan niệm →	**Lựa chọn lát cắt so sánh**: so sánh với pháp luật nước ngoài, so sánh cách hiểu trong luật, pháp quy, người thực thi, người dân, đối tượng hưởng quyền, đối tượng thực thi nghĩa vụ	**Nhận định**, ví dụ đối với lĩnh vực đã chọn người Việt Nam đã có ý niệm rõ rệt hay chưa, nếu có: ý niệm đó có vênh lệch với pháp quy hay không, có thể so sánh với nước ngoài.
Luật trong hành vi ứng xử →	**Nghiên cứu điều tra** thực tế để nhận rõ mẫu hành vi phổ biến, tương tác giữa khuôn mẫu do luật định và các quy phạm xã hội, đạo đức, tôn giáo, thói quen khác.	**Nhận định**, ví dụ lĩnh vực nào luật pháp hoàn toàn hình thức (ví dụ bầu cử, cơ quan dân cử, phá sản doanh nghiệp..), lĩnh vực nào luật và đời khác xa nhau (chống tham nhũng, đất đai…).

4. Tiêu chí để đo lường, đánh giá hay mô tả văn hóa pháp luật một quốc gia

Nghiên cứu quy mô về văn hóa pháp luật trong thời đại ngày nay, nếu có điều kiện, phải được dựa trên những tiêu chí định lượng và bằng chứng xác thực. Ví dụ có thể đo lường sự độc lập của tòa án dựa trên các tiêu chí sau:

a) Các chỉ số đánh giá chất lượng xét xử của tòa án[(2)]

Thời gian trung bình để đưa ra các phán quyết;

- ✓ Tính có thể tiên liệu được của các phán quyết (dựa trên việc xác định tỷ lệ các bản án không bị hủy ở cấp cao hơn);
- ✓ Tính khả thi của các phán quyết (đặc biệt đối với các vụ án dân sự); tỷ lệ án oan sai bị sửa, hủy bỏ;
- ✓ Sự hài lòng của các bên đương sự đối với các phán quyết;
- ✓ Tỷ lệ các bản án được các bên chấp hành tự nguyện; và
- ✓ Tỷ lệ thực tế các bản án được thi hành

b) Các tiêu chí đánh giá tính độc lập của hệ thống tòa án [13]

- ✓ Đánh giá theo luật định (*de jure*)
  - ○ Hiến pháp có quy định về tổ chức và hoạt động của Tòa án tối cao hay không?
  - ○ Thủ tục sửa đổi Hiến pháp có dễ bị sửa đổi không?
  - ○ Quy định về thủ tục bổ nhiệm thẩm phán (do chính khách chỉ định hay do các nhà chuyên môn)
  - ○ Nhiệm kỳ của thẩm phán (suốt đời hay theo nhiệm kỳ ngắn hạn)
  - ○ Thẩm phán có thể bị bãi nhiệm không?
  - ○ Việc quyết định mức lương cho các thẩm phán

(2) Theo Maria Dakolias, "Methods for Mornitoring and Evaluating the Rule of Law", World Bank (2005) có tại: www4.worldbank.org/legal/database/justice/data/UsingSectorGlanceDatabase.pdf truy cập 24/12/2007.

- Mức lương chi trả cho thẩm phán có hợp lý không?
- Mức độ tiếp cận hệ thống tòa án và khả năng khởi tố (chỉ một số cơ quan hoặc cá nhân có quyền khởi tố hay tất cả mọi công dân đều có thể khởi tố khi quyền hoặc lợi ích hợp pháp của họ bị xâm phạm);
- Viên phân công xét xử (Chánh án toàn quyền phân công xét xử hay việc phân công xét xử tuân theo các nguyên tắc luật định trên cơ sở nội dung vụ việc);
- Tòa án tối cao có được giải thích hiến pháp và kiểm tra tính hợp hiến của các hành vi của các cơ quan nhà nước thuộc các nhánh quyền lực khác hay không?
- Sự minh bạch trong việc công bố các quyết định của tòa án (có công bố các ý kiến thiểu số hay không)

✓ Đánh giá theo thực tế (*de facto*)

- Nhiệm kỳ trung bình thực tế của các thẩm phán
- Có sự bãi nhiệm thẩm phán khi đang trong nhiệm kỳ hay không?
- Số lượng các thẩm phán trong cùng một tòa án (nhiều hay ít - nếu nhiều thì có thể ảnh hưởng đến tính độc lập của các thẩm phán không quyết định theo sự can thiệp của các nhánh quyền lực khác)
- Lương của thẩm phán trên thực tế có được thay đổi trong nhiệm kỳ thực tế không (ít nhất là không bị giảm đi)
- Ngân sách dành cho việc tổ chức các hoạt động của Tòa: (Số lượng các thư ký tòa, quy mô các thư viện của tòa, việc sử dụng các công cụ hiện đại trong hoạt động của tòa);
- Tần suất thay đổi các quy định pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của Tòa án (tần suất thay đổi càng cao càng ảnh hưởng đến mức độ độc lập của tòa);
- Việc thực thi các quyết định của tòa án có phụ thuộc nhiều vào các nhánh quyền lực khác hay không?

Cũng như vậy các nghiên cứu định lượng có thể áp dụng để đo lường thái độ của công chúng đối với các dịch vụ pháp luật hoặc nhóm hành nghề luật, kiểu như:

- ✓ Số lượng luật sư, công chứng viên, thừa phát lại… trên tổng số dân cư (theo địa phương, toàn quốc, so sánh với khu vực và thế giới);
- ✓ Thói quen thuê dịch vụ của luật sư của doanh nghiệp, người dân (trước khi giao kết khế ước, trong quá trình giám sát thực hiện, hay chỉ khi có tranh chấp xảy ra).

Tương tự như vậy, đối với đào tạo nghề luật hoàn toàn có thể xây dựng các tiêu chí đánh giá tương đối khách quan, ví dụ dựa trên:

- ✓ Số lượng học viên trung bình mà một giáo viên phải đảm nhận (khái niệm giáo viên có thể tính theo đơn vị GS, PGS, giảng viên, trợ giảng, nhân viên phục vụ theo một tỷ lệ quy đổi),
- ✓ Số lượng giáo trình, sách tham khảo mà nhà trường hiện có trên từng sinh viên;
- ✓ Diện tích, tiện ích ký túc xá, thư viện, khả năng truy cập Internet trung bình trên từng sinh viên;
- ✓ Số ngày, cơ hội, khả năng.. một sinh viên có thể tham gia thực tiễn pháp lý (thực tập, gửi đào tạo tại văn phòng luật sư, tòa án...);
- ✓ Số lượng phân bổ, cơ hội việc làm.. của sinh viên luật sau khi tốt nghiệp,..

Tóm lại, có thể và ngày càng dễ dàng hơn khi nghiên cứu định lượng, đưa ra các chỉ số và tiêu chí đánh giá tương đối khách quan,

sát thực để đo lường cảm nhận của dân chúng đối với pháp luật.

5. Đánh giá *văn hóa pháp luật* từ các nghiên cứu tình huống

Trong nghiên cứu xã hội học hay khoa học chính trị, ngoài những chỉ số và phép thông kê cần dùng tới phương pháp nghiên cứu tình huống. Khoa học liên quan đến hành vi ứng xử của con người đều không thể tuyệt đối cứng nhắc như khoa học tự nhiên, bởi con người hành xử một phần theo lí trí, theo các lợi ích, song phần nhiều do các tác nhân tâm lí, tín ngưỡng, niềm tin và vô vàn tác nhân chủ quan khác.

Có khá nhiều nghiên cứu tình huống cho từng tình trạng điển hình ví dụ về tình cảnh của nông dân Bắc Bộ, về tục ma chay của người An Nam, về chế độ thôn xã Nam kỳ và nhiều nghiên cứu được tiến hành và công bố dưới thời thực dân vẫn còn lưu lại trong các thư viện lớn. Gần đây có các nghiên cứu điển hình về lý do, cách thức các cuộc đình công lớn ở Việt Nam, ảnh hưởng của các nhóm lợi ích đến xây dựng chính sách, về ảnh hưởng của chính sách chi tiêu công cộng trong y tế, giáo dục đối với các nhóm dân cư nghèo ở Việt Nam.

Nếu xét về tính thời sự, có thể kể tới các vấn đề nông dân mất đất và công nghiệp hóa, nông dân thất nghiệp và khu vực nhập cư thành thị, đình công "tự phát" hay cách thức tổ chức các cuộc đình công ở Việt Nam, cuộc tư nhân hóa ở Việt Nam và nhu cầu tái du nhập khái niệm công sản để bảo vệ tiện ích công cộng trước tư bản tư nhân. Những vấn đề lớn có thể bao gồm các ví dụ điển hình từ thể chế, hệ thống chính trị (có nên du nhập tự quản địa phương, có nên thí điểm bầu xã trưởng, tỉnh trưởng trực tiếp…), những vấn đề kinh tế (năng lực cạnh tranh, hiệu quả của pháp quy), những vấn đề an sinh xã hội (dạy nghề, tạo việc, bảo hiểm, thất nghiệp, bệnh nghề, etc.).

6. Một vài kết luận

Trong khuôn khổ hạn chế, đóng góp của bài viết này là gợi ý nhìn nhận văn hóa pháp luật như một cách tiếp cận để hiểu luật và hành vi ứng xử thực tế của người Việt Nam. Không thể tự suy luận, khoa học hành vi cần tới những chỉ số tương đối cụ thể, được điều tra và đo lường theo những tiêu chí khách quan. Bởi vậy cần quan sát *văn hóa pháp luật* theo những lát cắt, ví dụ người Việt Nam nghĩ gì về luật trên giấy, hiểu gì khi đọc luật trên giấy và làm gì trong thực tế nếu có chuyện đụng chạm tới mình. Chia nhỏ thêm, có thể xây dựng các chỉ số nhận dạng, tiêu chí đánh giá các cụm vấn đề, thậm chí có thể đối chiếu so sánh chúng với các tiêu chí tương tự ở nước ngoài.

Nếu doanh nhân nước ta hàng năm mất tới 1050 giờ, tức là tương đương với 130 ngày làm việc của một nhân viên, chỉ để lo các thủ tục nộp thuế, điều ấy có thể cho người ta cảm nhận được người Việt Nam sẽ nghĩ gì về ngành thuế và sẽ hành xử ra sao khi nhân viên ngành thuế gõ cửa văn phòng của mình [WB, Doing Business 2008]. Ngoài phương pháp xây dựng lát cắt, xây dựng chỉ số và tiêu chí đo lường cho từng nhóm vấn đề ưu tiên, sẽ đầy đủ hơn nếu tiếp cận *văn hóa pháp luật* từ những tình huống điển hình.

Trong xu thế bị hối thúc bởi đủ loại thế lực giằng co trong một thế giới ngày càng đa nguyên, đa cực, đa lợi ích, có thể dễ nhận thấy một giai đoạn du nhập văn hóa pháp luật nước ngoài đã và sẽ diễn ra ngày càng hối hả hơn trong một vài thập niên nữa. Cuộc du nạp pháp luật trên giấy sẽ kéo theo những xung đột về ý niệm, đó là một điều chắc chắn. Chỉ có điều ý niệm nào sẽ được số đông công chúng Việt Nam chấp nhận và tuân theo trong phép hành xử sẽ là một ẩn số với nhiều tác nhân còn chưa lộ diện rõ.

Tài liệu tham khảo

[1] M. Friedman, Lawrence, "*The Concept of Legal Culture: A Reply*" in Nelken, David, ed. Comparing Legal Cultures (Aldershot: Dartmouth Publishing Company), 1997.

[2] David Nelken (Editor), *Comparing legal cultures*, Hants, UK: Dartmouth Publishers, 1997.

[3] *David Nelken*, *Disclosing/Invoking legal Culture- An Introduction*, 4 Social & Legal Studies 435, 1995.

[4] David Nelken, *Using the concept of legal culture*, Australian Journal of Legal Philosophy, 2004.

[5] Roger Cotterrell, *Law, culture and Society: Legal ideas in the mirror of social theory*, Hampshire: Ashgate, 2007.

[6] Lê Đức Tiết, *Văn hóa pháp lý Việt Nam*, NXB Tư pháp, 2005.

[7] Trần Ngọc Đường, *Văn hóa pháp lý với sự nghiệp đổi mới ở nước ta*, Tạp chí Luật học, 2/2003.

[8] Viện Khoa học Pháp lý, *Văn hóa tư pháp*, Thông tin Khoa học pháp lý, 7/2001.

[9] Phạm Duy Nghĩa (PDN), *Gia tài 60 năm luật học*, in trong PDN: Bay cùng đàn sếu, NXB Trẻ, 2007.

[10] Đặng Phong, *Lịch sử kinh tế Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, *2006*.

[11] Samuel Huntington, *Sự va chạm của nền văn minh*, NXB Lao động, 2003.

[12] K. Zweigert and H. Koetz, *An Introduction to Comparative Law*, Oxford University Press and J.C. Mohr (Paul Siebeck), 1998.

[13] Lars P. Feld and Stephan Voigt, "*Economic Growth and Judicial Independence: Cross Country Evidence Using a New Set of Indicators*", World Bank, 2002.

On the concept of legal culture

Pham Duy Nghia

Faculty of Law, Vietnam National University, Hanoi,
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

The article provides a critical discussion on the concept and usefulness of legal culture. Focusing on legal culture as an approach to understand the interrelation between law on book, law in perception and law in practice, the author favors attempts in social research to create measurable criteria and evaluation tools designed to access value, expectation and understanding of the general public of the law. These tools help to understand how law is implemented in a given society.